

Bản án số: 37/2021/HSST
Ngày: 28-9-2021.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MAI CHÂU, TỈNH HÒA BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Bùi Văn Kính.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Hà Bá Khiên

Ông Lương Khắc Tiệp.

- Thư ký phiên toà: Bà Khả Thị Thanh Loan – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mai Châu, tỉnh Hòa Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mai Châu tham gia phiên toà: Ông Nguyễn Huy Long - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 9 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mai Châu, tỉnh Hòa Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 38/2021/HSST ngày 31 tháng 8 năm 2021, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 37/2021/QĐXXST-HS ngày 14 tháng 9 năm 2021 đối với bị cáo:

Lương Quang H, sinh ngày 17 tháng 01 năm 1993, tại huyện M, tỉnh Hòa Bình; nơi cư trú: Xóm M, xã Ch, huyện M, tỉnh Hòa Bình; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá (học vấn): 08/12; dân tộc: Thái; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lương Quang G (đã chết) và bà Khả Thị Th, sinh năm 1967; bị cáo chưa có vợ con; tiền án: 01 tiền án. Ngày 27/8/2015 bị Tòa án nhân dân quận Hà Đông, thành phố Hà Nội xử phạt 54 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản, tại bản án số: 155/2015/HSST (*chưa được xóa án tích do chưa chấp hành xong về trách nhiệm dân sự*); tiền sự: Không; nhân thân: Ngày 29/3/2011 bị Tòa án nhân dân huyện Mai Châu xử phạt 07 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản, tại bản án số: 08/2011/HSST; Ngày 11/5/2012 bị Tòa án nhân dân quận Long Biên, thành phố Hà Nội xử phạt 36 tháng tù về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy, tại bản án số: 129/2012/HSST; bị cáo bị bắt tạm giam ngày 19/5/2021. Có mặt.

Người bào chữa: Ông Dương Lê Uớc A - Luật sư, Công ty Luật hợp danh Đ. Địa chỉ: Phòng 12A, Chung cư V. Số 5, đường T, quận C, thành phố Hà Nội. Có mặt.

Bị hại: Anh Vi Văn D, sinh năm 1990, nơi cư trú: Bản S, xã Ch, huyện M, tỉnh Hòa Bình. Có mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án: Anh Tràng A T, sinh năm

1989, nơi cư trú: Xóm X, xã P, huyện M, tỉnh Hòa Bình. Vắng mặt.

Người làm chứng:

- Anh Phạm Quang H1, sinh năm 1988, nơi thường trú: Xóm B, xã Đ, huyện M, tỉnh Hòa Bình. Vắng mặt.

- Anh Trần Đức H2, sinh năm 1990, nơi cư trú: T4, thị trấn M, huyện M, tỉnh Hòa Bình. Vắng mặt.

- Bà Khả Thị Th, sinh năm 1967, nơi cư trú: Xóm M, xã Ch, huyện M, tỉnh Hòa Bình. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Lường Quang H và Vi Văn D là bạn bè chơi với nhau đã lâu. Ngày 22/4/2021 D đến nhà Huy tại xóm M, xã Ch chơi và ở lại. Đến khoảng 08 giờ sáng ngày 23/4/2021 Huy mượn xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Exiter biển kiểm soát 28D1- 089.8x của D thì D đồng ý, H một mình điều khiển xe đi mua đồ dùng cá nhân, sau đó H nảy sinh ý định mang xe vừa mượn được của D đi cầm cố lấy tiền chi tiêu cá nhân, H gọi điện cho bạn là Phạm Quang H1 nói có 01 chiếc xe mô tô Exiter 150 có giấy tờ xe muốn cầm cố với giá 20.000.000 đồng, H1 đồng ý giúp rồi gọi điện thoại cho Tràng A T với nội dung “có thằng em có chiếc xe mô tô Exiter 150 có giấy tờ muốn cầm cố với giá 20.000.000 đồng” nhưng T trả lời “không nhận cầm cố, nếu như bán thì mới mua” nên H1 đã nói với T “nếu bán thì giá 25.000.000 đồng”, sau đó T đồng ý và H1 bảo “tí nữa thằng em mang xe lên thì thỏa thuận thêm và trả tiền cho nó”. Khoảng 12 giờ ngày 23/4/2021 Lường Quang H đến gặp H1 thì H1 bảo mang xe lên gặp T, đồng thời H gọi điện thoại cho Trần Đức H2 đến đón mình, sau đó H một mình điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 28D1-089.8x đến gặp Tràng A T tại xóm X, xã P, sau khi xem xe T đã đồng ý mua và trả cho H số tiền 25.000.000 đồng còn H giao xe cùng giấy tờ cho T, hai người không thỏa thuận gì thêm. Lường Quang H cầm tiền đi bộ một đoạn thì gặp Trần Đức H2 đến đón. Sau đó, H đón xe khách và đi khỏi địa phương, chi tiêu cá nhân hết số tiền đã bán xe mô tô.

Khoảng 13 giờ cùng ngày không thấy H mang xe về nên D đã gọi điện nhưng H không nghe máy, H nhắn tin lại nói xe đang bị công an giữ chưa mang về được. Các ngày sau đó D liên lạc hỏi để đòi xe nhưng H tiếp tục có biểu hiện gian dối không trả nên D đã làm đơn tố giác đến Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an huyện Mai Châu đề nghị giải quyết theo quy định pháp luật. Quá trình xác minh tin báo Cơ quan điều tra đã thu giữ xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Exiter biển kiểm soát: 28D1-089.8x đối với Tràng A T cùng giấy đăng kí xe.

Tại bản Kết luận định giá tài sản 09/KL-ĐGTS ngày 14/5/2021 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Mai Châu kết luận: 01 xe mô tô biển kiểm soát 28D1 – 089.8x, nhãn hiệu Yamaha, Exiter, màu đen cam, đã qua sử dụng có trị giá là 31.600.000 đồng.

Tại Cáo trạng số 36/CT - VKS - HS ngày 27/8/2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Mai Châu truy tố bị cáo Lường Quang H về tội Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản theo quy định tại điểm g khoản 2 Điều 175 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mai Châu luận tội vẫn giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết như sau:

Về tội danh, hình phạt:

- Đề nghị tuyên bố bị cáo Lương Quang H về tội Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản.

- Căn cứ theo quy định tại điểm g khoản 2 Điều 175; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự. Đề nghị xử phạt bị cáo Lương Quang H từ 30 đến 42 tháng tù, thời hạn tính từ ngày bắt tạm giam 19/5/2021.

Về hình phạt bổ sung: Theo tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời khai của bị cáo tại phiên tòa thể hiện bị cáo không có thu nhập ổn định, bản thân bị cáo không có tài sản gì có giá trị, không có khả năng thi hành, nên không đề nghị áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự: Anh Vì Văn D đã nhận lại tài sản và không yêu cầu bị cáo bồi thường, đề nghị không xét đến. Anh Tràng A T yêu cầu bị cáo bồi thường 25.000.000 đồng. Đề nghị buộc bị cáo bồi thường cho anh Tràng A T. Đối với số tiền 2.000.000 đồng bị cáo đã tác động gia đình khắc phục hậu quả nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự, đề nghị tiếp tục lưu giữ để đảm bảo nghĩa vụ thi hành án của bị cáo.

Về các vấn đề khác:

- Đối với anh Tràng A T đã mua xe mô tô biển kiểm soát: 28D1 - 089.8x do Lương Quang H lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản mà có, anh T không biết nguồn gốc tài sản do phạm tội có nên không đủ căn cứ xử lý hình sự, đề nghị không xét đến.

- Đối với Phạm Quang H1 là người đã hỏi giúp bị cáo nơi bán xe và Trần Đức H2 là người đón bị cáo sau khi bán được xe, quá trình điều tra xác định H1 và H2 không biết xe mà H bán là xe do hành vi phạm tội mà có, không được hưởng lợi gì từ hành vi bán xe của H nên không có căn cứ đề nghị xử lý.

- Đối với bà Khả Thị Th (mẹ của H) là người đã nhắn tin nói chuyện với bà Khả Thị X (Dì ruột của D) về việc Lương Quang H mượn xe của Vì Văn D nhưng không thấy trả. Bà Th không biết mục đích của H mượn xe D là để mang đi bán, không được hưởng lợi gì từ việc Huy bán xe nên không có căn cứ đề nghị xử lý.

Đề nghị áp dụng khoản 1 và khoản 3 Điều 329 Bộ luật Tố tụng hình sự tiếp tục tạm giam bị cáo để đảm bảo thi hành án.

Ý kiến của người bào chữa: Đồng ý với ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mai Châu về tội danh, điều luật áp dụng đối với bị cáo về tội Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản theo quy định tại điểm g khoản 2 Điều 175 Bộ luật hình sự. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét nguyên nhân, động cơ, mục đích phạm tội của bị cáo ban đầu chỉ là mang đi cầm cố và sau đó sẽ chuộc lại, hành vi mang tính bộc phát, không có ý định bán tài sản ngay từ đầu. Bị cáo có hoàn cảnh khó khăn, bố mất sớm, mẹ bị cáo vắng mặt tại nơi cư trú khoảng 8 năm, bị cáo sống một mình do đó điều kiện về giáo dục của bị cáo còn bị hạn chế. Về tình tiết giảm nhẹ, bị cáo đã tác động gia đình khắc phục hậu quả, thành khẩn khai báo, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm b, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự, từ đó đề nghị Hội đồng xét xử xem

xét áp dụng khoản 1 Điều 54 Bộ luật Hình sự, xử dưới mức thấp nhất của khung hình phạt đối với bị cáo.

Ý kiến của bị cáo: Đồng ý với ý kiến của người bào chữa, đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử: Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện là hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, bị cáo đã trình bày toàn bộ hành vi lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản của mình như Cáo trạng của Viện kiểm sát đã truy tố. Lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai của bị hại, những người làm chứng và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Như vậy đã có đủ căn cứ xác định: Ngày 23/4/2021, Lường Quang H hỏi mượn mô tô nhãn hiệu Yamaha Exiter 150 BKS 28D1- 0898x của Vi Văn D đi mua đồ cá nhân, do cần tiền chi tiêu cá nhân H đã mang chiếc xe mô tô trên bán cho anh Trảng A T lấy 25.000.000 đồng. Giá trị tài sản do Lường Quang H chiếm đoạt là 31.600.000 đồng. Ngày 27/8/2015, bị cáo bị Tòa án nhân dân quận Hà Đông, thành phố Hà Nội xử phạt 54 tháng tù giam về tội Trộm cắp tài sản, tại bản án này đã bị áp dụng tình tiết “Tái phạm nguy hiểm”. Bị cáo chưa được xóa án tích do chưa chấp hành xong phần trách nhiệm dân sự, đến ngày 23/4/2021 bị cáo lại tiếp tục phạm tội. Bị cáo đã tái phạm, chưa được xóa án tích mà lại thực hiện hành vi Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản. Do đó, hành vi phạm tội lần này của bị cáo là tái phạm nguy hiểm theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 53 Bộ luật Hình sự. Là tình tiết định khung hình phạt “tái phạm nguy hiểm”. Như vậy có đủ căn cứ xác định bị cáo Lường Quang H phạm tội Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản, theo quy định tại điểm g khoản 2 Điều 175 Bộ luật Hình sự.

[3] Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội: Bị cáo nhận thức rõ hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng do cần tiền chi tiêu phục vụ cho lối sống của mình nên vẫn thực hiện hành vi phạm tội. Bị cáo đã từng bị xét xử 02 lần về tội Trộm cắp tài sản và 01 lần về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy nhưng không lấy đó làm bài học để tu dưỡng, rèn luyện, không có tiến bộ mà vẫn tiếp tục phạm tội. Hành vi của bị cáo đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, đồng thời gây ảnh hưởng xấu đến trật tự, trị an của địa phương, nên phải chịu trách nhiệm hình sự. Sau khi thực hiện hành vi vi phạm, bị cáo bỏ trốn khỏi địa phương, gây khó khăn cho quá trình điều tra, giải quyết vụ án.

[4] Xét tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng. Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tại phiên tòa bị cáo đã tỏ ra thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội của mình. Bị cáo đã tác động gia đình khắc phục một phần hậu quả, là tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Đối với ý kiến của người bào chữa cho bị cáo đề nghị áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, khoản 1 Điều 51 BLHS, Hội đồng xét xử nhận thấy số tiền bị cáo đã tác động gia đình bồi thường là 2.000.000 đồng, so với thiệt hại bị cáo gây ra là 25.000.000 đồng, chưa đủ căn cứ áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự, do đó áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 BLHS là phù hợp, có căn cứ pháp luật. Do vậy, không có căn cứ áp dụng khoản 1 Điều 54 Bộ luật Hình sự, xử dưới mức thấp nhất của khung hình phạt đối với bị cáo.

[5] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 175 Bộ luật hình sự, bị cáo còn có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung. Tuy nhiên xem xét cụ thể trường điều kiện của bị cáo, xét thấy việc áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo là không có tính khả thi. Do đó, không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[6] Về xử lý vật chứng và trách nhiệm dân sự: Xét thấy việc xử lý vật chứng của cơ quan điều tra là phù hợp với quy định nên Hội đồng xét xử không xét đến.

- Về trách nhiệm bồi thường thiệt hại: Quá trình điều tra và tại phiên tòa anh Tràng A Tô đề nghị buộc bị cáo Lương Quang H bồi thường số tiền là 25.000.000 đồng. Xét yêu cầu là hợp lý nên được chấp nhận. Bị hại không yêu cầu bị cáo bồi thường nên Hội đồng xét xử không xét đến.

- Đối với số tiền 2.000.000 đồng bị cáo đã tác động gia đình khắc phục hậu quả, nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự, xét cần tiếp tục lưu giữ số tiền trên để đảm bảo nghĩa vụ thi hành án của bị cáo.

[7] Về các vấn đề khác:

- Đối với anh Tràng A T đã mua xe mô tô biển kiểm soát: 28D1 - 089.85 do Lương Quang H lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản mà có, anh Tô không biết nguồn gốc tài sản do phạm tội có nên không đủ căn cứ xử lý nên không xét đến.

- Đối với Phạm Quang H1 là người đã hỏi giúp bị cáo nơi bán xe và Trần Đức H2 là người đón bị cáo sau khi bán được xe, quá trình điều tra xác định H1 và H2 không biết xe mà H bán là xe do hành vi phạm tội mà có, không được hưởng lợi gì từ hành vi bán xe của H, không có căn cứ xử lý nên không xét đến.

- Đối với bà Khả Thị Th (mẹ của H) là người đã nhắn tin nói chuyện với bà Khả Thị X (Dì ruột của D) về việc Lương Quang H mượn xe của Vì Văn D nhưng không thấy trả. Bà Th không biết mục đích của H mượn xe D là để mang đi bán, không được hưởng lợi gì từ việc H bán xe nên không có căn cứ xử lý nên không xét đến.

[8] Cân nhắc tính chất mức độ, nguyên nhân, hậu quả của hành vi phạm tội, nhân thân của bị cáo, xét thấy cần thiết phải có một hình phạt tương xứng với tính chất, hành vi mà bị cáo đã thực hiện. Do đó, việc cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian đủ để giáo dục cải tạo bị cáo cũng như đáp ứng mục đích đấu tranh phòng ngừa tội phạm.

[9] Về án phí và quyền kháng cáo: Bị cáo phải chịu án phí sơ thẩm và có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH

1. Về tội danh, hình phạt:

Tuyên bố bị cáo Lương Quang H phạm tội Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản.

- Áp dụng điểm g khoản 2 Điều 175; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Lương Quang H 36 (*ba mươi sáu*) tháng tù, thời hạn tính từ ngày bắt tạm giam 19/5/2021.

2. Về bồi thường thiệt hại:

- Áp dụng khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự và Điều 584, 589, 357, 468 Bộ luật Dân sự, buộc bị cáo Lương Quang H phải bồi thường cho anh Trảng A T số tiền 25.000.000 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong khoản tiền nêu trên, mà bên phải thi hành án chưa thi hành thì hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền chưa thi hành án, nếu có thỏa thuận về lãi chậm trả thì tính theo thỏa thuận đó nhưng không được vượt quá mức lãi suất quy định tại khoản 1, nếu không có thỏa thuận thì tính theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự, tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

- Tiếp tục lưu giữ số tiền 2.000.000 đồng bà Khả Thị Th đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mai Châu, theo biên lai số 0000156 ngày 20/9/2021 để đảm bảo nghĩa vụ thi hành án.

3. Về án phí:

Căn cứ Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự và Điều 23, Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Bị cáo Lương Quang H phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 1.250.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo:

Căn cứ Điều 331, 332, 333 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án, bị cáo, bị hại có mặt có quyền kháng cáo bản án theo trình tự phúc thẩm. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo bản án vắng mặt có quyền kháng cáo cùng thời hạn kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh HB;
- VKSND tỉnh HB;
- Sở Tư pháp tỉnh HB;
- VKSND huyện MC;
- Cơ quan điều tra; Cơ quan THAHS;
- Phòng hồ sơ Công an tỉnh HB;
- THA hình sự;
- Chi cục THA dân sự;
- UBND xã Ch;
- Những người tham gia TT;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà

Bùi Văn Kính